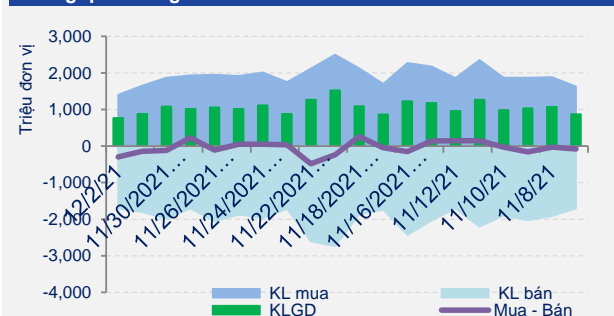
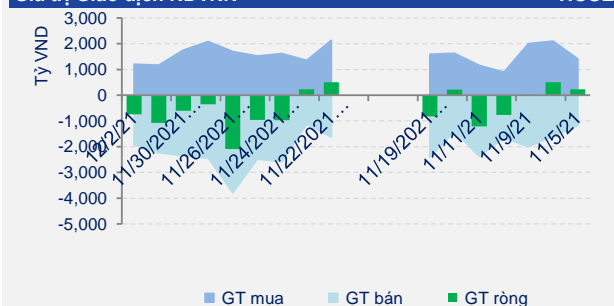


# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 12/2/2021

| Thống kê thị trường | HOSE          | HNX         |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index               | 1,482.05      | 458.23      |
| % Thay đổi          | ↓ -0.21%      | ↑ 0.53%     |
| KLGD (CP)           | 764,114,615   | 134,433,139 |
| GTGD (tỷ đồng)      | 23,017.95     | 3,363.15    |
| Tổng cung (CP)      | 1,706,522,100 | 196,944,300 |
| Tổng cầu (CP)       | 1,406,701,100 | 166,710,900 |

| Giao dịch NĐTNN   | HOSE       | HNX       |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP)       | 47,257,795 | 1,077,347 |
| KL mua (CP)       | 22,861,995 | 361,861   |
| GT mua (tỷ đồng)  | 1,197.42   | 10.31     |
| GT bán (tỷ đồng)  | 1,937.14   | 22.77     |
| GT ròng (tỷ đồng) | (739.72)   | (12.46)   |

**Tương quan cung cầu**

**Giá trị Giao dịch NĐTNN**


| Ngành Cấp 1         | % thay đổi | P/E  | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|-------|
| Công nghệ Thông tin | ↓ -0.72%   | 24.3 | 3.9 | 1.2%  |
| Công nghiệp         | ↓ -0.45%   | 24.5 | 3.5 | 15.7% |
| Dầu khí             | ↑ 1.45%    | 18.3 | 1.9 | 1.3%  |
| Dịch vụ Tiêu dùng   | ↓ -0.61%   | -    | 6.7 | 2.4%  |
| Dược phẩm và Y tế   | ↑ 1.92%    | 18.5 | 2.7 | 1.1%  |
| Hàng Tiêu dùng      | ↑ 0.64%    | 23.1 | 4.0 | 9.8%  |
| Ngân hàng           | ↓ -0.70%   | 12.0 | 2.4 | 12.8% |
| Nguyên vật liệu     | ↓ -0.39%   | 11.7 | 2.7 | 13.4% |
| Tài chính           | ↑ 0.13%    | 21.0 | 3.7 | 40.0% |
| Tiền ích Cộng đồng  | ↑ 0.19%    | 16.2 | 2.6 | 2.3%  |
| VN - Index          | ↓ -0.21%   | 17.6 | 2.9 |       |
| HNX - Index         | ↑ 0.53%    | 25.1 | 5.1 |       |

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giảm nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản tiếp tục suy giảm. Cụ thể, VN-Index giảm 3,14 điểm (-0,21%) xuống 1.482,05 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tiêu cực với 234 mã tăng, 38 mã tham chiếu, 268 mã giảm. HNX-Index tăng 2,42 điểm (+0,53%) lên 458,23 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 178 mã tăng, 47 mã tham chiếu, 102 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 870 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 25.135 tỷ đồng. Thị trường tăng điểm trong phần lớn thời gian nhưng áp lực bán gia tăng từ khoảng 14h trở đi khiến VN-Index và VN30 kết phiên ở mức thấp nhất. Hai trụ cột thị trường là VIC (+1,1%) và VCB (+0,1%) đều bị bán và thu hẹp đáng kể mức tăng trước đó là nguyên nhân chính khiến sắc xanh không còn được duy trì. Bên cạnh đó, cổ phiếu ngân hàng cũng chịu áp lực bán khiến nhiều mã điều chỉnh như TCB (-1,3%), STB (-2%), VPB (-2,4%), CTG (-0,6%), MBB (-1,4%), HDB (-1,6%), LPB (-1,5%), MSB (-3%)... Nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn như HPG (-0,8%), VHM (-0,7%), VRE (-0,2%), VNM (-0,1%), FPT (-1%), MWG (-1,4%), GAS (-0,1%), BVH (-0,8%)... đồng loạt giảm cũng gây thêm áp lực lên thị trường. Các nhóm ngành chứng khoán, thép, cao su.. đều chìm trong sắc đỏ. Ở chiều ngược lại, Nhiều cổ phiếu Midcap và Penny thu hút được dòng tiền và đi ngược thị trường như ROS (+1,8%), HQC (+3,3%), HAG (+1,1%), HNG (+1,2%), KBC (+2,4%), DLG (+7%)...

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN-Index (-0,21%) giảm nhẹ với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra là không thực sự mạnh. Trên góc nhìn kỹ thuật, với phiên giảm nhẹ này thì VN-Index vẫn kết phiên trên vùng hỗ trợ ngắn hạn 1.470-1.475 điểm (MA20) nên xu hướng tăng của thị trường vẫn chưa có gì thay đổi và khả năng hướng đến ngưỡng 1.500 điểm trong các phiên tới là có thể xảy ra. Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 3/12, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để hướng đến ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm. Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng thì VN-Index có thể sẽ cần test lại hỗ trợ 1.470-1.475 điểm (MA20) và xa hơn là hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm. Nhà đầu tư đã mua vào khi thị trường vượt vùng đỉnh cũ 1.420-1.425 điểm và mua thêm khi thị trường test hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm đã chốt lời một phần danh mục trong tuần trước nên duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức vừa phải trong giai đoạn hiện tại.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

12/2/2021

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 1.493,84 điểm. Nhưng áp lực bán gia tăng từ khoảng 14h trở đi khiến chỉ số lùi xuống sắc đỏ và kết phiên ở mức thấp nhất. Kết phiên, VN-Index giảm 3,14 điểm (-0,21%) xuống 1.482,05 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VPB giảm 900 đồng, VHM giảm 600 đồng, TCB giảm 700 đồng. Ở chiều ngược lại, VIC tăng 1.200 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 460,12 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 2,42 điểm (+0,53%) lên 458,23 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: CEO tăng 3.800 đồng, BAB tăng 600 đồng, VCS tăng 2.000 đồng. Ở chiều ngược lại, SHS giảm 1.200 đồng.

## GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

**Trên HOSE**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 740,56 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 22 triệu đơn vị. DXG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 161,1 tỷ đồng tương ứng với 5 triệu cổ phiếu, tiếp theo là HPG với 107,9 tỷ đồng tương ứng với 2,2 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VND là mã được mua ròng nhiều nhất với 51,9 tỷ đồng tương ứng với 663 nghìn cổ phiếu.

**Trên HNX**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 12,56 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 715 nghìn cổ phiếu. HUT là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 9,5 tỷ đồng tương ứng với 492 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là IVS với 2,4 tỷ đồng tương ứng với 114 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, BVS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 2,2 tỷ đồng tương ứng với 51,7 nghìn cổ phiếu.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index giảm nhẹ trong phiên hôm nay với khối lượng khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra là không thực sự mạnh.

Theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4 trước đó).

Với phiên điều chỉnh nhẹ này thì chỉ số VN-Index (-0,21%) tiếp tục kết phiên trên vùng hỗ trợ ngắn hạn 1.470-1.475 điểm (MA20) nên xu hướng tăng của thị trường vẫn chưa có gì thay đổi và khả năng để VN-Index hướng đến kháng cự tâm lý 1.500 điểm trong phiên tiếp theo là có thể diễn ra.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng thì VN-Index có thể sẽ cần test lại vùng hỗ trợ gần nhất trong khoảng 1.470-1.475 điểm (MA20) và xa hơn là hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 3/12, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để hướng đến ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

### Lần đầu tiên kinh tế TP HCM tăng trưởng âm 6,78%

Năm nay TP HCM có thể hoàn thành 13/29 chỉ tiêu, không hoàn thành 14 chỉ tiêu, còn 2 chỉ tiêu đến cuối năm mới có thể đánh giá. TP HCM đã xây dựng chương trình phục hồi và phát triển kinh tế, xã hội giai đoạn 2022-2025.



## TIN TRONG NƯỚC

**Giá vàng trong nước tăng**

Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 59,95 - 60,55 triệu đồng/lượng, tăng 150.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và không đổi ở chiều bán ra so với sáng nay.

**Tỷ giá trung tâm giảm 15 đồng**

Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 2/12 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.117 VND/USD, giảm 15 đồng so với hôm qua.

## TIN QUỐC TẾ

**Giá vàng thế giới giảm**

Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 12,65 USD/ounce tương ứng với 0,71% xuống 1.771,85 USD/ounce.

**Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng**

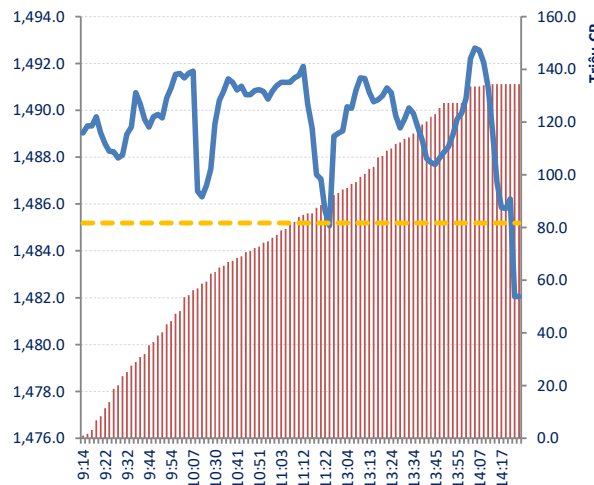
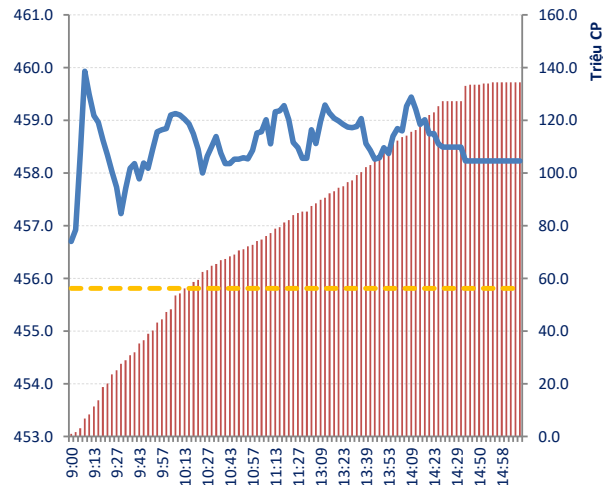
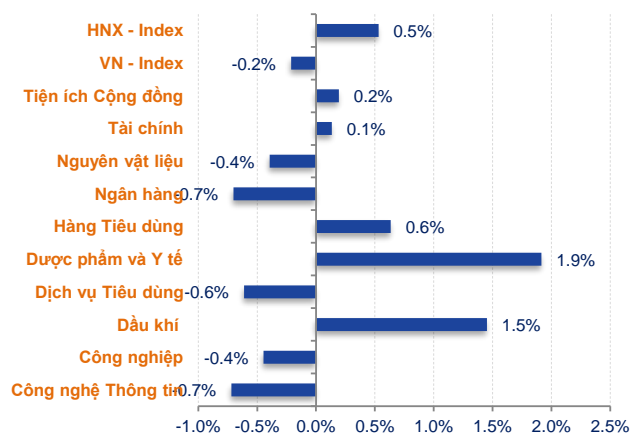
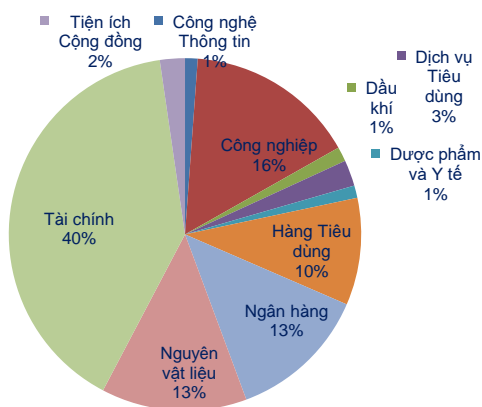
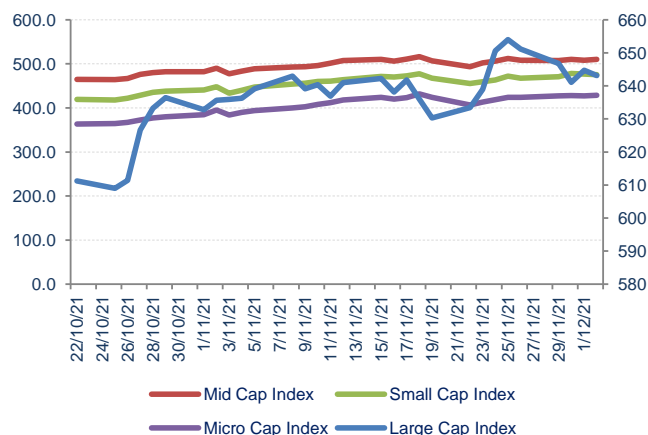
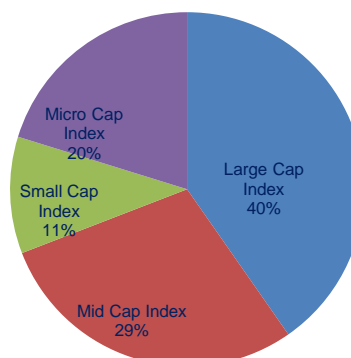
Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,021 điểm tương ứng 0,03% lên 96,050 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1316 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3308 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 113,19 JPY.

**Giá dầu thế giới tăng**

Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 1,49 USD/thùng tương ứng với 2,27% lên 67,05 USD/thùng.

**Chứng khoán Mỹ giảm điểm**

Kết thúc phiên giao dịch ngày 1/12, Dow Jones giảm 461,68 điểm tương đương 1,34% xuống 34.022,04 điểm. Nasdaq giảm 283,64 điểm tương đương 1,83% xuống 15.254,05 điểm. Nasdaq Composite giảm 53,96 điểm tương đương 1,18% xuống 4.513,04 điểm.

**THÔNG KÊ GIAO DỊCH**
**KLGD và VN-Index trong phiên**

**KLGD và HNX-Index trong phiên**

**Biến động giá phân theo nhóm Ngành**

**Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành**

**Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa**

**Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa**

**Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:**

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | HSG   | 727,200     | DXG   | 4,972,700   |
| 2  | VND   | 663,000     | HPG   | 2,206,900   |
| 3  | NKG   | 583,600     | CII   | 2,111,700   |
| 4  | OCB   | 506,300     | POW   | 1,422,200   |
| 5  | VRE   | 443,000     | KBC   | 1,272,200   |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | BVS   | 51,700      | HUT   | 491,770     |
| 2  | TDN   | 46,400      | IVS   | 114,300     |
| 3  | DL1   | 43,200      | DST   | 93,600      |
| 4  | PVG   | 21,600      | NVB   | 47,300      |
| 5  | PVI   | 21,300      | PVS   | 44,100      |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD       |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| ROS | 7.41       | 7.54     | ↑ 1.75%  | 26,890,500 |
| HQC | 6.65       | 6.87     | ↑ 3.31%  | 25,490,300 |
| HAG | 8.70       | 8.80     | ↑ 1.15%  | 24,739,300 |
| POW | 14.00      | 14.15    | ↑ 1.07%  | 23,210,300 |
| SSI | 55.20      | 54.00    | ↓ -2.17% | 21,243,400 |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD       |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| HUT | 18.30      | 19.00    | ↑ 3.83%  | 10,597,109 |
| SHS | 53.30      | 52.10    | ↓ -2.25% | 10,375,246 |
| KLF | 6.40       | 6.30     | ↓ -1.56% | 8,393,636  |
| TVC | 23.50      | 22.30    | ↓ -5.11% | 7,135,590  |
| CEO | 38.40      | 42.20    | ↑ 9.90%  | 4,923,884  |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %       |
|-----|------------|----------|------|---------|
| TTB | 10.00      | 10.70    | 0.70 | ↑ 7.00% |
| HDC | 91.50      | 97.90    | 6.40 | ↑ 6.99% |
| QBS | 6.30       | 6.74     | 0.44 | ↑ 6.98% |
| MCG | 13.60      | 14.55    | 0.95 | ↑ 6.99% |
| DLG | 7.16       | 7.66     | 0.50 | ↑ 6.98% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %        |
|-----|------------|----------|------|----------|
| VMC | 21.00      | 23.10    | 2.10 | ↑ 10.00% |
| KSD | 7.00       | 7.70     | 0.70 | ↑ 10.00% |
| VC6 | 12.10      | 13.30    | 1.20 | ↑ 9.92%  |
| CEO | 38.40      | 42.20    | 3.80 | ↑ 9.90%  |
| VIG | 17.20      | 18.90    | 1.70 | ↑ 9.88%  |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %        |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| SPM | 24.40      | 22.70    | -1.70 | ↓ -6.97% |
| SVT | 21.60      | 20.10    | -1.50 | ↓ -6.94% |
| SJF | 19.45      | 18.10    | -1.35 | ↓ -6.94% |
| DTT | 16.60      | 15.45    | -1.15 | ↓ -6.93% |
| KHP | 21.75      | 20.25    | -1.50 | ↓ -6.90% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %         |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| VTZ | 17.00      | 15.30    | -1.70 | ↓ -10.00% |
| ECI | 35.10      | 31.60    | -3.50 | ↓ -9.97%  |
| KST | 31.20      | 28.10    | -3.10 | ↓ -9.94%  |
| SDA | 60.80      | 54.80    | -6.00 | ↓ -9.87%  |
| CX8 | 11.00      | 10.00    | -1.00 | ↓ -9.09%  |

(\*) Giá điều chỉnh



## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã  | KLGD       | ROE     | EPS     | P/E   | P/B |
|-----|------------|---------|---------|-------|-----|
| ROS | 26,890,500 | 3.1%    | 324     | 22.8  | 0.7 |
| HQC | 25,490,300 | 3250.0% | 9       | 752.3 | 0.7 |
| HAG | 24,739,300 | -18.4%  | (1,220) | -     | 1.6 |
| POW | 23,210,300 | 8.6%    | 1,167   | 12.0  | 1.0 |
| SSI | 21,243,400 | 16.5%   | 2,053   | 26.9  | 3.2 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã  | KLGD       | ROE   | EPS     | P/E     | P/B |
|-----|------------|-------|---------|---------|-----|
| HUT | 10,597,109 | -9.9% | (1,066) | -       | 1.7 |
| SHS | 10,375,246 | 25.5% | 3,201   | 16.7    | 2.5 |
| KLF | 8,393,636  | 0.1%  | 6       | 1,053.1 | 0.6 |
| TVC | 7,135,590  | 28.3% | 5,856   | 4.0     | 1.2 |
| CEO | 4,923,884  | -4.7% | (606)   | -       | 3.1 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã  | +/-%   | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|--------|--------|---------|------|-----|
| TTB | ↑ 7.0% | 1.9%   | 198     | 50.4 | 0.9 |
| HDC | ↑ 7.0% | 26.2%  | 3,957   | 23.1 | 5.7 |
| QBS | ↑ 7.0% | -19.1% | (1,658) | -    | 0.8 |
| MCG | ↑ 7.0% | -8.9%  | (409)   | -    | 3.2 |
| DLG | ↑ 7.0% | -13.6% | (1,130) | -    | 0.9 |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã  | +/-%    | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| VMC | ↑ 10.0% | 0.9%  | 156   | 134.7 | 1.2 |
| KSD | ↑ 10.0% | -2.7% | (222) | -     | 0.8 |
| VC6 | ↑ 9.9%  | 4.4%  | 596   | 20.3  | 0.9 |
| CEO | ↑ 9.9%  | -4.7% | (606) | -     | 3.1 |
| VIG | ↑ 9.9%  | -2.5% | (137) | -     | 3.1 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã  | KL mua  | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| HSG | 727,200 | 48.0% | 8,817 | 4.5  | 1.8 |
| VND | 663,000 | 34.3% | 4,825 | 16.2 | 3.6 |
| NKG | 583,600 | 46.6% | 9,140 | 4.7  | 1.8 |
| OCB | 506,300 | 23.9% | 3,308 | 8.6  | 1.5 |
| VRE | 443,000 | 7.2%  | 954   | 31.1 | 2.2 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã  | KL mua | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|--------|-------|-------|------|-----|
| BVS | 51,700 | 12.1% | 3,244 | 12.9 | 1.5 |
| TDN | 46,400 | 16.5% | 2,173 | 6.8  | 1.1 |
| DL1 | 43,200 | 2.0%  | 230   | 58.3 | 1.2 |
| PVG | 21,600 | 4.3%  | 578   | 26.0 | 1.1 |
| PVI | 21,300 | 11.0% | 3,562 | 13.3 | 1.5 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VIC | 403,353 | 2.9%  | 1,111 | 95.4 | 2.5 |
| VCB | 367,179 | 20.4% | 5,696 | 17.4 | 3.4 |
| VHM | 360,977 | 38.3% | 8,968 | 9.2  | 3.0 |
| HPG | 219,173 | 44.7% | 7,085 | 6.9  | 2.6 |
| GAS | 188,524 | 16.9% | 4,384 | 22.5 | 3.8 |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS    | P/E  | P/B  |
|-----|---------|-------|--------|------|------|
| THD | 88,410  | 25.2% | 4,694  | 53.8 | 15.3 |
| IDC | 22,500  | 11.8% | 1,805  | 41.5 | 4.8  |
| KSF | 21,360  | 8.8%  | 765    | 93.1 | 3.6  |
| VCS | 19,344  | 41.5% | 11,163 | 10.8 | 4.1  |
| BAB | 17,473  | 8.6%  | 979    | 23.7 | 2.0  |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã  | Beta | ROE   | EPS   | P/E     | P/B |
|-----|------|-------|-------|---------|-----|
| HAI | 2.62 | 0.7%  | 87    | 83.8    | 0.6 |
| DAH | 2.55 | 0.1%  | 10    | 1,023.5 | 1.1 |
| SCR | 2.50 | 5.5%  | 740   | 28.0    | 1.5 |
| DRH | 2.16 | 2.1%  | 292   | 77.0    | 1.6 |
| VOS | 2.16 | 54.5% | 2,573 | 7.6     | 3.0 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã  | Beta | ROE    | EPS     | P/E     | P/B |
|-----|------|--------|---------|---------|-----|
| PSI | 2.36 | 2.9%   | 300     | 63.6    | 1.8 |
| KLF | 2.34 | 0.1%   | 6       | 1,053.1 | 0.6 |
| APS | 2.34 | 22.8%  | 1,740   | 29.0    | 4.5 |
| HHG | 2.18 | -26.1% | (1,987) | -       | 1.1 |
| CEO | 2.14 | -4.7%  | (606)   | -       | 3.1 |





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

*Chịu trách nhiệm nội dung:*

**P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)